TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc* ----------

Bản án số:**300/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: **27/07/2023**
V/v: Xin ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Tô Thị M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đức Minh và bà Nguyễn Thị Cúc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Tuấn Long- Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 1 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXX ngày 16/06/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2023/QĐ-HPT ngày 05/07/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1972**

HKTT: Tổ X phường T, quận L, TP. Hà Nội.

Trú tại: Thôn N, xã N, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

(Ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Bà Đoàn Thị Hồng Hiên – Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Sơn Bình thuộc Đoàn luật sư TP. Hà Nội

(Bà Hiên vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn: Bà Tô Thị M, sinh năm 1973**

HKTT và trú tại: Tổ X phường T, quận L, TP. Hà Nội.

(Bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là ông Phan Văn T trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và bà Tô Thị M tự nguyện tìm hiểu nhau và đến với nhau, không tổ chức cưới hỏi và không đăng ký kết hôn mà về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, việc chúng tôi về chung sống với nhau như vợ chồng gia đình hai bên đều biết. Đến ngày 02/09/2002, tôi và bà M mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 13 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng cãi nhau về những vấn đề nhỏ trong cuộc sống. Đến năm 2003, thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, mâu thuẫn từ đó cứ ấm ỉ, bà M suốt ngày càu nhàu khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến cuối năm 2008 đầu năm 2009, mâu thuẫn càng trầm trọng nên tôi đã ra ngoài ở riêng và sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với bà M không còn, tôi có nguyện vọng được ly hôn bà M.

- Về con chung: Tôi và bà M có 1 con chung là Phan Duy Đ, sinh năm 1996. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là bà Tô Thị M, trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để Toà án giải quyết vụ án, tiếp cận và công khai chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, hoà giải về việc ông Phan Văn T xin ly hôn nhưng bà Tô Thị M vẫn vắng mặt không có lý do***

Tại phiên toà:

- Ông Phan Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- Bà Tô Thị M vắng mặt không có lý do
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không có mặt, không đưa ra các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình

* Về nội dung vụ án: Ông T và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Đến cuối năm 2008, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng với bà M không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn bà M.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Văn T đối với bà Tô Thị M

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết do đó không xem xét

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật: Ngày 18/07/2022, ông Phan Văn T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng đối với bà Tô Thị M. Ngày 17/05/2023, UBND xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cung cấp cho Tòa án 01 bản trích lục kết hôn giữa ông Phan Văn T và bà Tô Thị M, đăng ký kết hôn ngày 02/09/2002. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/05/2023, ông T thay đổi yêu cầu khởi

kiện xin ly hôn đối với bà M. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Văn T xin ly hôn Tô Thị M có hộ khẩu thường trú và trú tại tổ 13 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, bị đơn là bà Tô Thị M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án, để tham gia phiên hoà giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ nhưng bà M đều vắng mặt. Ngày 05/07/2023, Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng bà M vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 27/07/2023. Tại phiên toà ngày 27/07/2023, bà M vẫn vắng mặt không có ly do. Xét thấy đây là lần thứ hai bà M vắng mặt mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ, đồng thời ông Phan Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Phan Văn T và bà Tô Thị M được tự nguyện tìm hiểu không tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, không đăng ký kết hôn mà về chung sống với nhau từ năm 1996. Đến ngày 02/09/2002, ông T và bà M mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Mặt khác do bà T nói nhiều, suốt ngày cằn nhằn ông T về những việc bình thường trong đời thường. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai

Xác minh tại địa phương được cung cấp: Ông T và bà M chung sống với nhau năm 1996 tại tổ 13 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau về những vấn đề nhỏ trong cuộc sống. Đến năm 2003 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2008 đầu năm 2009,

ông T đã ra ngoài ở riêng và không quay về chung sống tại tổ 13 phường Thượng Thanh nữa.

Anh Phan Duy Đ là con chung của ông bà xác nhận trong quá trình chung sống ông T và bà M thỉnh thoảng xảy ra cãi vã, chủ yếu là bà M nói nhiều, cằn nhằn những việc trong cuộc sống đời thường, không khí gia đình buồn bã, u ám, tuy ông bà sống chung một nhà không có sự giao tiếp, gắn kết hay thể hiện tình cảm vợ chồng. Từ đó trở đi ông T thường đi về nhà muộn, rồi ít về nhà và không về nhà nữa khoảng 10 năm nay. Bà M cũng không có động thái làm lành, gắn kết từ đó đến nay.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, bà M không có bất cứ lời khai nào, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ, không hợp tác với Cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M đã được Toà án tạo điều kiện để tham gia phiên hoà giải nhưng đều vắng mặt không có lý do cho thấy bà M không có mong muốn đoàn tụ với ông T. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà M là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa ông T và bà M không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà M là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

[4]. **Về con chung:** Ông T và bà M 01 con chung là Phan Văn Đ, sinh năm 1996.

Anh Đ đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét

[5]. **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông T không đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Toà án công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà M không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật

[6]. **Về án phí:** Ông Phan Văn T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Phan Văn T. Ông Phan Văn T được ly hôn bà Tô Thị M

2. Về con chung: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật

4. Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0065610 ngày 03/01/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm, ông T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà M vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKS, Chi cục THADS quận Long Biên*
- *UBND xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án; VP.*